

# VIỆC NHƯỢNG ĐẤT, LẬP ĐỒN ĐIỀN Ở NINH BÌNH

## (CUỐI THẾ KỶ XIX - GIỮA THẾ KỶ XX)

TA THỊ THÚY\*

Mặc dù được xếp vào danh sách các tỉnh đồng bằng châu thổ, Ninh Bình lại là tỉnh có địa hình bán sơn địa, đa dạng, với các loại đất khác nhau, từ bãi bồi ven biển, đến đồng bằng ngập úng, cho đến đất cao trên các vùng đồi núi thấp. Vì điều này, việc nhượng đất, khẩn hoang do người Pháp tiến hành ở Ninh Bình cũng mang những nét riêng, so với một số tỉnh khác - có địa hình đơn giản hơn. Ở đây vừa có việc nhượng và khai thác bãi bồi, vừa có việc nhượng và khai thác những vùng đất cao trong nội địa. Hai công việc dường như không mấy liên quan đến nhau, tạo thành công cuộc khẩn hoang ở Ninh Bình trong giai đoạn Cận đại.

Trong một bài viết trước, đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 năm 2000, chúng tôi đã công bố những kết quả nghiên cứu của mình về việc nhượng và khai thác bãi bồi ven biển - một hình thức nhượng đất, khẩn hoang quan trọng về kinh tế, nhạy cảm về xã hội, diễn ra ở tỉnh này, từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày về việc thiết lập các đồn điền, tại những vùng đất còn lại của nó, cũng trong khoảng thời gian ấy nhằm hoàn chỉnh một bức tranh, hay cũng có thể nói là một bản tổng kết về việc

khai thác thuộc địa trong lĩnh vực nông nghiệp của thực dân Pháp ở đây.

\*

Cuối thế kỷ XIX, khi mục đích của cuộc chinh phục thuộc địa được đặt ra trước hết là chiếm và khai thác đất đai, thì ở Ninh Bình "đất hoang", "đất công" còn tồn tại trên diện rộng. Cả một dải đất dài, xen kẽ những vùng đồi thấp và những cánh đồng trũng, thuộc các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Yên Mô, nằm ở phía Tây, Tây Bắc tỉnh Ninh Bình, giáp với Thanh Hóa, Hòa Bình, Hà Nam, rất phù hợp với việc trồng các loại cây mới, có giá trị thương mại cao, nhất là cà phê và chăn nuôi đại gia súc trên quy mô lớn, còn chưa được khai thác, đã khiến các nhà thực dân đầu tiên của Bắc Kỳ chú ý. Bên cạnh các đồn chủ nghiêng về việc thiết lập các đồn điền trồng lúa, tốn ít vốn, mau đem lại lợi nhuận, các đồn chủ này đã sớm nhận ra khả năng sinh lợi của vùng đất còn chưa kịp được người "bản xứ" khai khẩn này. Bằng những hình thức khác nhau, từ mua của người "bản xứ" đến xin cấp nhượng không mất tiền và phải trả tiền, theo các quy chế nhượng đất khác nhau, từ "quy chế nhượng đất chung cho các công dân, thân dân và dân bảo hộ Pháp", đến "nhượng đất theo

\* TS. Viện Sử học.

quy chế quản lý đất phủ rừng" và "nhượng đại đồn điền di dân tập thể", các điền chủ này đã lần lượt lập ra các đồn điền trên vùng đất, được nói tới ở trên. Từ một đồn điền được liên danh giữa anh em Guillaume và Louis Borel ở Hà Nam, được thành lập năm 1887, nhiều đồn điền trồng cà phê, nuôi trâu, bò, dê, cừu khác đã nhanh chóng được lập ra trên lãnh thổ các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, Sơn Tây. Từ một vài điền chủ đầu tiên, nhiều điền chủ khác đã đến vùng đất này lập nghiệp. Cả một nhóm các điền chủ chuyên kinh doanh khai thác các đồn điền cà phê, chăn nuôi gia súc, chủ yếu bằng công nhân ăn lương đã hình thành, khác với những điền chủ "chủ nhật" và những điền chủ trồng lúa bằng tá canh khác. Những đồn điền ở Ninh Bình, đã được lập ra, cùng với sự hình thành trung tâm cà phê của Bắc Kỳ, nằm ở phía Tây Nam Hà Nội.

Năm 1894, Daurelle, một thương gia ở Hải Phòng, đã được cấp nhượng tạm thời đồn điền rộng 1.547 ha. Cùng với một đồn điền ở Nam Định 17 ha, được nhượng tạm thời năm 1893. Đồn điền ở Ninh Bình được điền chủ trồng cà phê, bằng nhân công là các "tôi đờ" - mà việc sử dụng luôn luôn được chính quyền thuộc địa khuyến khích. Đồn điền này được nhượng vĩnh viễn năm 1905.

Trong giai đoạn tiền khai thác thuộc địa, còn có thêm 2 đồn điền nữa được cấp nhượng tạm thời, vào năm 1896, ở Ninh Bình cho Laffeuille (Pierre) - điền chủ chuyên canh nông, ngụ tại Ninh Bình (179 ha) và cho liên danh Guillaume - 5 nhà thầu khoán ở Hà Nội (35 ha).

Như vậy, cho đến hết giai đoạn tiền khai thác thuộc địa, Ninh Bình có 3 đồn điền, diện tích tổng cộng 1.861 ha, trên đó, được

trồng cà phê, nuôi gia súc bằng công nhân ăn lương.

Giai đoạn hai của việc nhượng đất, khẩn hoang được bắt đầu cùng với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Bắc Kỳ, từ năm 1897. Từ năm này trở đi, đặc biệt trong những năm cuối thế kỷ XIX, Ninh Bình trải qua một thời kỳ phát triển khá rầm rộ của những đại đồn điền được cấp nhượng cho các cá nhân, liên danh và các công ty Pháp.

Năm 1897, 3 đồn điền, tổng cộng 2.174 ha được nhượng cho:

- Anh em Guillaume, diện tích 340 ha ở làng Vân Lung, tổng Đại Hữu, huyện Gia Viễn, bằng Nghị định ngày 6 tháng 3 (bị thu hồi năm 1904).

- Canhier, diện tích 112 ha, ở các làng Đàm Khánh, Lý Nhân, huyện Yên Mô.

- Metral Marius - ngụ tại Lyon, diện tích 1722 ha, ở làng Phú Vệ, tổng Yên Lại và các làng Yên Trị, Yên Thái, Phúc Lương, tổng Lạng Phong, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan, bằng Nghị định 1-10.

Năm 1898, có 6 đồn điền, tổng cộng 3.123,55 ha được nhượng cho:

- Nicolas - cai đội, 507 ha, ở các làng Lai Thành, Quán La, Quỳnh Lưu, Phúc Lai, Châu Bạc, tổng Quỳnh Lưu, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan. Năm 1899, 397 ha bị thu hồi, để nhượng lại cho Bonnal vào 27-11-1900.

- Yvoir (Pierre, Marie) - quân đội nghỉ hưu, ngụ tại Phong Công, Ninh Bình, diện tích 62,55 ha ở các làng Quán Cháo, Quang Sỏi, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan.

- Polguerre, một điền chủ ở Ninh Bình, 750 ha ở làng Châu Sơn, tổng Tam Động, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan.

- Liên danh Magnan và Faure, diện tích 4 ha, cùng ở làng Châu Sơn trên.

- Liên danh Kalicher (thương gia ở Hà Nội) và Laffeuille (chuyên nghề nông ở Ninh Bình), diện tích 200 ha ở các làng Phúc Lương, Yên Trì, Ngọc Ung, tổng Lạng Phong, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan.

- Công ty Nông nghiệp Yên Lại, do Pasquier thành lập, có trụ sở tại Nantes và Bernard đại diện ở Ninh Bình, diện tích 1.600 ha ở các làng Yên Lại, Yên Lão, tổng Văn Luận, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan (nguyên là 2 đồn điền được nhượng cho Kalicher và Laffeuille năm 1897, bị thu hồi năm 1898)

Sang năm 1899, Ninh Bình có thêm 3 đồn điền nữa được nhượng, tổng cộng 645 ha. Trong 3 đồn điền đó có hai đồn điền của Guyot d'Asnier de Salin, một thương gia ở Pháp, do Moutte Laurentie đại diện ở thuộc địa, tổng diện tích 245 ha ở các làng Diêm Hạ, Yên Đội, huyện Yên Hóa, phủ Nho Quan và một đồn điền 400 ha của Eugene Jung ở làng Châu Sơn, phủ Nho Quan.

Năm 1900 có 7 đồn điền, tổng diện tích 3.721,5 ha được nhượng cho 3 cá nhân và 3 công ty điền chủ:

- Magnan Edouard Louis, điền chủ ở Ninh Bình, được nhượng tạm thời 100 ha và mua của dân xóm Đàm Bông, làng Thục La 300 ha, với giá 100 đồng để làm thành một đồn điền tổng cộng 400 ha.

- Lévy Lucien được nhượng 300 ha (gồm 2 lô: 300 ha và 30 ha) ở làng Khả Lật, huyện Yên Hóa.

- Gendreau, một cha cố ở Hà Nội, được nhượng 2 đồn điền, tổng cộng 48 ha ở huyện Yên Hóa, phủ Nho Quan.

- Công ty Nông nghiệp Yên Lại, do Bernard đại diện, được nhượng tạm thời 521 ha ở các làng Yên Lại, Yên Lao, tổng Văn Luận, huyện Phụng Hóa.

- Công ty khai thác thuộc địa Lyon, có trụ sở tại Lyon, đại diện ở Bắc Kỳ là Chaffanjon Paul và Saint Bonnet, nhân viên là Rebeti, được nhượng cùng lúc 2 đồn điền. Đồn điền thứ nhất, 1.678 ha ở các làng Phú Vệ, Yên Lại, Phúc Lương, Yên Trì, tổng Lạng Phong, huyện Phụng Hóa. Đồn điền thứ hai, diện tích 744,5 ha ở các làng Phúc Lai, Yên Thái, Phú Vệ, phủ Nho Quan.

Bắt đầu từ 1901, việc nhượng đất theo quy chế chung ở Ninh Bình giảm dần, mỗi năm chỉ còn 1 vài đồn điền được thành lập.

Trong năm 1901, 1 đồn điền 220 ha, ở làng Đề Cốc, được nhượng tạm thời cho Magnan.

Năm 1902 chỉ có 1 đồn điền 25 ha ở làng Quang Sỏi, huyện Yên Mô, được nhượng tạm thời cho Yvoir.

Năm 1905, chỉ có 1 đồn điền 26 ha, được thành lập, do Công ty Nông nghiệp Chợ Gành mua được của dân làng.

Năm 1904, có 3 đồn điền, tổng cộng 894 ha được nhượng cho 2 điền chủ. 2 đồn điền được nhượng vĩnh viễn cho Fau, tổng cộng 810 ha. Đồn điền thứ nhất 590 ha ở làng Thạch La, phủ Nho Quan. Đồn điền thứ hai 220 ha ở các làng Đề Cốc, Y Na, tổng Đề Cốc, huyện Yên Hóa, phủ Nho Quan. 1 đồn điền 84 ha ở làng Phúc Lương, tổng Lạng Phong, huyện Phụng Hóa, được nhượng tạm thời cho Laffeuille Pierre.

Năm 1907, 2 đồn điền, diện tích 755 ha, được nhượng tạm thời cho 2 công ty nông nghiệp:

- Công ty Nông nghiệp Yên Lại 625 ha ở Trại Phú Ốc, Yên Lại, huyện Yên Mô.

- Công ty Nông nghiệp Chợ Gành, do Castanié và Saissac đại diện, 130 ha ở làng Lý Nhân, tổng Đàm Khánh, huyện Yên Mô.

Năm 1908, có 2 đồn điền được nhượng tạm thời, tổng cộng 597 ha cho:

- Anh em Guillaume, 449 ha ở làng Mai Phương, huyện Gia Viễn.

- Fau Archippe, 148 ha ở làng Quang Sỏi, tổng Quỳnh Lưu, phủ Nho Quan (nhưng do không được khai thác, đồn điền bị thu hồi năm 1912).

Năm 1910, 1 đồn điền, không rõ diện tích, ở làng Đàm Khánh, huyện Yên Mô, được nhượng tạm thời cho Michel, ngụ tại Marseilles. Nhưng bị thu hồi năm 1912.

Năm 1911, 1 đồn điền 100 ha, ở làng Quang Sỏi, tổng Quỳnh Lưu, phủ Nho Quan, được nhượng tạm thời cho Công ty Nông nghiệp Chợ Gành.

Năm 1912, 1 đồn điền 78 ha được nhượng cho Công ty Nông nghiệp Chợ Gành.

Sau năm này, cùng trong tình trạng ngưng trệ chung của việc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ, việc nhượng đất, lập đồn điền ở Ninh Bình cũng thôi không được tiếp tục nữa. Phải đến năm 1916, mới có 1 đồn điền 50 ha ở làng Trà Tri, huyện Yên Mô được nhượng cho Lamontange. Đây cũng là đồn điền cuối cùng được cấp nhượng ở Ninh Bình, cho đến hết cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Vậy là, kể từ bắt đầu việc nhượng đất, lập đồn điền, vào cuối thế kỷ XIX, cho đến 1918, Ninh Bình có tổng cộng 36 đồn điền được cấp nhượng cho các cá nhân, liên danh và công ty tư bản, với tổng diện tích 14.270,05 ha. Trong số đó, 1 đồn điền không được biết diện tích, số còn lại 27 là đại đồn điền (những đồn điền có diện tích từ 50 ha trở lên), chiếm 14.037,05 ha, 8 đồn

điền nhỏ, chiếm 233 ha, tức là có 75% số đồn điền và 98,37% diện tích đồn điền thuộc loại lớn. Bình quân diện tích của mỗi đồn điền là 385,68 ha.

Năm 1919, cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của người Pháp mở ra, kéo dài cho đến năm 1930. Vốn đầu tư của tư bản chính quốc đổ vào ào ạt và chuyển hướng - ưu tiên vào việc khai thác các nông sản nhiệt đới mà nhu cầu trên thế giới tăng lên đột ngột, sau chiến tranh, nhất là đầu tư vào cao su và cà phê. Việc nhượng đất, lập đồn điền ở Bắc Kỳ giảm xuống, do các nhà tư bản tập trung sự chú ý và hoạt động vào lập các đồn điền ở phía Nam, nơi có nhiều đất hoang, phù hợp với các loại đang được ưa chuộng trên thị trường. Trong tình hình chung như vậy và cũng do đất "hoang", "đất công", có thể được nhượng đã tởm dấu hiệu cạn hết, công việc này ở Ninh Bình cũng không sôi nổi như trước đây.

Năm 1919, công ty Ellies, Mathée, có trụ sở tại 33 phố Đồng Khánh, Hà Nội, được nhượng tạm thời 1 đồn điền 467 ha tại Đồng Giao, Yên Mô.

Trong thập niên 20, việc nhượng đất theo quy chế nhượng đất chung không còn được tiếp tục ở tỉnh này nữa. Trong các năm 1922, 1924, 1926, 1929, có 4 đồn điền nhỏ được nhượng theo quy chế quản lý đất phủ rừng - để các điền chủ mở rộng đồn điền của mình, tổng cộng 60 ha được cấp cho Lacombe (30 ha, 1929); Lévy 92 đồn điền, 20 ha, 1926); Công ty Nông nghiệp Phúc Lương (10 ha, 1924).

Năm 1929, việc nhượng đất trở lại, nhưng không ồ ạt như trước đây. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, theo quy chế nhượng đất mới, một số người Việt "có thế lực" cũng đã tham gia vào việc xin nhượng đất, lập đồn điền và được nhượng những đồn điền lớn.

Năm 1929, Công ty Nông nghiệp Phúc Lương - do Chouquet Edouard làm giám đốc, xin được nhượng 159,98 ha.

Năm 1930, Công ty Nông nghiệp Chợ Gành được nhượng tạm thời dưới hình thức phải trả tiền 1 đồn điền 539,3 ha, ở làng Phú Ốc, tổng Đàm Khánh, huyện Yên Mô.

Năm 1932, De Monpezat, một nhà thực dân nổi tiếng trên nhiều hoạt động ở thuộc địa, Giám đốc Công ty Khai thác thuộc địa Trung Bắc Kỳ, ngụ tại Lục Nam, Bắc Giang, được nhượng 300 ha tại Yên Lạc, Nho Quan. Thế nhưng, do không được khai thác, đồn điền đã bị thu hồi, năm 1937.

Năm 1934, có 5 đồn điền, diện tích tổng cộng 754,79 ha được cấp nhượng tạm thời cho 5 điền chủ người Việt, là các cựu quan chức, thương gia, địa chủ:

- Bùi Xuân An, thương gia ở Ninh Bình, 298,85 ha ở làng Quang Sỏi, tổng Đàm Khánh, huyện Yên Mô. Năm 1942, Bùi Xuân An được nhượng vĩnh viễn đối với 189,43 ha và bị thu hồi đối với 109,42 ha.

- Bùi Đình Bách (Khôi), địa chủ ở làng Lạc Thành, tổng Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, 214,65 ha ở làng Lạc Thành. Năm 1941, Bùi Đình Bách được nhượng vĩnh viễn đối với 128,99 ha và bị thu hồi đối với 85,66 ha.

- Vũ Xuân Công, người làng Lý Nhân, huyện Yên Mô, 101,03 ha. Năm 1937, đồn điền được nhượng vĩnh viễn.

- Nghiêm Xuân Quảng, nguyên Tuần phủ Ninh Bình, 110 ha ở tổng Quỳnh Lưu, Nho Quan (có tài liệu ghi là các làng Vĩnh Khương, Khánh Ninh, Đoài Khê, huyện Yên Mô). Năm 1938, đồn điền được chuyển sang cho Đỗ Đình Đặc và Vũ Đỗ Tân, các sở hữu chủ, ngụ tại Hà Nội.

- Lê Xuân Thu, địa chủ có 20 mẫu ruộng ở làng Hợp Lệ, phủ Kiến Thụy, tỉnh Kiến An, 30,258 ha, ở làng Khánh Ninh, tổng

Đàm Khánh, huyện Yên Mô. Năm 1938, đồn điền được nhượng vĩnh viễn.

Năm 1936, Công ty Nông nghiệp Chợ Gành, do Leroy de Barres, ngụ tại Hà Nội (số 15, phố Borgnis Desborde) được nhượng 104 ha ở làng Khánh Ninh, huyện Yên Mô.

Trong các năm 1938, 1939 còn có 2 đồn điền lớn được nhượng tạm thời, theo quy chế đồn điền di dân tập thể, tổng diện tích là 692,46 ha cho 2 điền chủ:

- Nguyễn Đức Chiêu, được nhượng năm 1938, đối với 281,46 ha ở Yên Mô.

- Hội Hồ tương và Trợ cấp xã hội, được nhượng năm 1939, đối với 411 ha ở huyện Nho Quan.

Tổng cộng, từ 1919 đến 1945, Ninh Bình có thêm 17 đồn điền nữa được cấp nhượng cho các điền chủ, với tổng diện tích là 3.376,03 ha. Trong đó, 1 đồn điền không biết diện tích; 4 đồn điền thuộc loại nhỏ, chỉ chiếm 90,258 ha; 12 đồn điền còn lại là những đồn điền lớn, chiếm số diện tích còn lại 3.285,77 ha. Bình quân diện tích mỗi đồn điền là 198,59 ha.

Như vậy, trong giai đoạn Cận đại, Ninh Bình có cả thảy 53 đồn điền được cấp nhượng, tại những vùng đất cao thuộc các huyện Gia Viễn, Yên Mô và Nho Quan, với tổng diện tích là 17.646,08 ha, cho các điền chủ, các liên danh điền chủ và các công ty nông nghiệp, Pháp và Việt.

Sự hình thành của những đồn điền này đã tạo ra một khu vực nông nghiệp mới, với những nét đặc trưng là:

- Đại sở hữu về ruộng đất chiếm ưu thế.

Trong 53 đồn điền trên, ngoài 2 đồn điền không biết diện tích thì chỉ có 12 là thuộc loại nhỏ, (tức là loại dưới 50 ha), chiếm 323,258 ha, số 39 đồn điền còn lại thuộc loại lớn, chiếm 17.322,82 ha. Bình quân mỗi đồn điền là 332,94 ha.

**Bảng 1: Thống kê quá trình thiết lập của các đồn điền ở Ninh Bình trong cả thời kỳ Cận đại, từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX**

Năm	Tổng cộng		Đồn điền từ 50 ha trở xuống		Đồn điền từ trên 50 ha trở lên	
	ĐĐ	DT (ha)	ĐĐ	DT (ha)	ĐĐ	DT (ha)
1894	1	1.647,0000	0	0	1	1.647,0000
1896	2	214,0000	1	25,0000	1	179,0000
1897	3	2.174,0000	0	0	3	2.174,0000
1898	6	3.123,5500	1	4,0000	5	3.119,5500
1899	3	645,0000	1	45,0000	2	600,0000
1900	7	3.721,5000	2	48,0000	5	3.673,5000
1901	1	220,0000	0	0	1	220,0000
1902	1	25,0000	1	25,0000	0	0
1904	3	894,0000	0	0	3	894,0000
1905	1	26,0000	1	26,0000	0	0
1907	2	755,0000	0	0	2	755,0000
1908	2	597,0000	0	0	2	597,0000
1910	1	?				
1911	1	100,0000	0	0	1	100,0000
1912	1	78,0000	0	0	1	78,0000
1916	1	50,0000	1	50,0000	0	0
1919	1	467,0000	0	0	1	467,0000
1922	1	?				
1924	1	10,0000	1	10,0000	0	0
1926	1	20,0000	1	20,0000	0	0
1929	2	189,9800	1	30,0000	1	159,9800
1930	1	539,3000	0	0	1	539,3000
1932	1	300,0000	0	0	1	300,0000
1934	6	1.053,2900	1	30,2580	5	1.023,0300
1936	1	104,0000	0	0	1	104,0000
1938	1	281,4600	0	0	1	281,4600
1939	1	411,0000	0	0	1	411,0000
<b>Tổng cộng</b>	<b>53</b>	<b>17.646,0800</b>	<b>12</b>	<b>323,2580</b>	<b>39</b>	<b>17.322,8200</b>

53 đồn điền này thuộc về 23 điền chủ cá nhân, 2 liên danh điền chủ và 6 công ty, tổng cộng là 31 điền chủ. Thế nhưng, trong số đó, chỉ có 4 điền chủ thuộc loại nhỏ, diện tích 158,26 ha, 27 điền chủ thuộc loại lớn, chiếm tuyệt đại đa số diện tích còn lại, như trong *danh sách các điền chủ được nhượng đất "hoang" ở Ninh Bình* ở Bảng 2.

- Những yếu tố của nền sản xuất mang tính chất tư bản chủ nghĩa được du nhập, thể hiện trên hai khía cạnh: Việc sử dụng

công nhân ăn lương và việc sản xuất những sản phẩm có giá trị thương mại cao trên quy mô lớn.

Về khía cạnh thứ nhất, theo thống kê đã được công bố trong các công trình của chúng tôi, trong số 53 đồn điền của Ninh Bình có 28 đồn điền, với tổng diện tích 6.780 ha chuyên sử dụng công nhân ăn lương. 25 đồn điền còn lại được khai thác bằng nhân công hỗn hợp giữa công nhân ăn lương với những hình thức tá canh và quá canh.

Do được thiết lập cạnh những làng trồng lúa, phần nhiều là một vụ, đông dân, nên các điền chủ này không gặp khó khăn trong việc thuê mướn nhân công, cả công nhân thường xuyên và công nhân làm khoán theo ngày, theo tháng, theo vụ, theo năm... Số công nhân lên tới hàng ngàn. Nhiều đồn điền có hàng chục, hàng trăm công nhân.

Năm 1924, Công sứ Ninh Bình báo cáo lên Thống sứ Bắc Kỳ rằng:

*"Các đồn điền sử dụng nhân công địa phương. Những người này tới làm việc tại đồn điền trong những lúc nông nhàn"* (1).

Troàng tất cả các báo cáo của chính quyền, vấn đề nhân công đều được đáp ứng theo nhu cầu.

Năm 1915 (2), anh em Guillaume sử dụng 150 công nhân, trả lương từ 0,20 đến 0,25 đồng/ngày; Công ty Nông nghiệp Chợ Gành dùng 130 công nhân, trả lương ngày 0,20 đồng cho đàn ông và 0,15 đồng cho đàn bà. Trên đồn điền Lévy thường có 150 công nhân làm việc, với mức lương ngày là 0,17 đồng cho đàn ông và 0,125 đồng cho đàn bà.

Sang thập niên 20, lương cho công nhân tăng lên ít nhiều, nhưng chỉ là với đàn ông, đàn bà và trẻ em vẫn được trả theo mức cũ. Công ty Nông nghiệp Chợ Gành trồng cà phê và nuôi 500 con bò, trả lương ngày cho công nhân từ 0,50 đến 0,25 đồng cho đàn ông, 0,15 đến 0,18 đồng cho đàn bà và từ 0,10 đến 0,15 đồng cho trẻ em (3).

Hình thức tá canh được sử dụng kết hợp với hình thức khai thác trực tiếp (tức sử dụng công nhân) làm cơ sở tạo ra nguồn nhân công ăn lương cho đồn điền, mà việc trả lương nhiều khi được thực hiện bằng chính những ruộng trồng lúa, có trên đồn điền. Theo cách ấy, điền chủ chia ruộng thành lô rồi giao cho các gia đình tá điền để

những người này tự trồng cấy và thu hoạch làm của riêng, đổi lại, chính những gia đình ấy phải đảm bảo nhân công thường xuyên cho việc trồng cà phê và nuôi gia súc trên đồn điền. Đây chính là hai hình thức sử dụng nhân công chủ yếu trên các đồn điền ở Bắc Kỳ nói chung. Việc sử dụng nhân công theo phương thức mới là tiêu chí quan trọng nhất chứng tỏ tính chất tư bản trong khu vực nông nghiệp mới này.

Về khía cạnh thứ hai, tức là việc kinh doanh, khai thác trên các đồn điền ở Ninh Bình, như đã nói ở trên, mục đích của phần lớn các điền chủ xin nhượng đất ở Ninh Bình là tiến hành trồng cây công nghiệp và nuôi gia súc để bán.

Trên thực tế, đúng như vậy, Ninh Bình là một trong những tỉnh có nhiều đồn điền chuyên canh cà phê nhất ở Bắc Kỳ. Thống kê trên các đồn điền được thành lập trước năm 1918, Bắc Kỳ có 6 đồn điền dành riêng cho việc trồng cà phê, diện tích 538,6 ha. Trên các đồn điền trồng xen giữa cà phê và những cây trồng khác của tỉnh này lúc đó (15 đồn điền, 4.605,32 ha), cà phê cũng chiếm tuyệt đại đa số diện tích đồn điền (4).

Ngay từ sớm, vùng giáp ranh giữa Hà Nam, Hòa Bình, Ninh Bình đã trở thành trung tâm cà phê của Bắc Kỳ. Ninh Bình có những đồn điền cà phê được bảo dưỡng rất tốt: Đồn điền của anh em Guillaume, Lévy, các Công ty nông nghiệp Chợ Gành, Yên Lại, Phúc Lương, Lyon...

Chẳng hạn: đồn điền Lévy có 50.000 cây cà phê, năm 1902 và 220.000 cây, vào vài năm sau. Công ty Phúc Lương có 80.000 cây, năm 1902. Công ty Nông nghiệp Yên Lại thu 400 tấn hạt, tương đương 50 tấn cà phê hàng hóa, năm 1904. Năm 1906, công ty này đem ra thị trường bán 100 tấn cà phê hàng hóa (5).

Năm 1914, Henry Brenier công bố con số 1.270.000 cây cà phê được trồng trên cả xứ, trong đó Ninh Bình chiếm đến 490.000 gốc, tức 40% (6).

Giai đoạn 1919-1945, Ninh Bình có 3 đồn điền chuyên canh cà phê, diện tích 730 ha. Cùng diện tích được trồng nhiều trên các đồn điền đa canh khác, tổng diện tích cà phê của tỉnh này được ước tính trong khoảng 1.000 ha. Năm 1930, ngay khi cuộc tổng khủng hoảng kinh tế thế giới tác động đến Đông Dương, làm cho việc xuất khẩu của tất cả mọi mặt hàng giảm đi, diện tích cà phê của Ninh Bình vẫn được Yves Henry công bố con số 680 ha, chỉ đứng sau Sơn Tây về phương diện này. Trong những năm sau đó, do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế ấy, năm 1940, diện tích trồng cà phê ở Ninh Bình rút xuống chỉ còn 340 ha (7). Ngành cà phê bị Chiến tranh thế giới thứ Hai làm cho ngừng trệ hoàn toàn và dường như chỉ được phục hồi từ thập niên 60, do chính sách phát triển nông nghiệp của nhà nước ta.

Sự phát triển của các đồn điền cà phê ở Ninh Bình đã góp vào giá trị thương mại của cà phê toàn xứ, đảm bảo lượng cà phê hàng hóa cần cho một phần thị trường trong nước và một phần quan trọng cà phê xuất khẩu sang thị trường chính quốc. Giống cà phê được trồng nhiều ở Bắc Kỳ là cà phê chè (Arabica), rất được thị trường ưa chuộng. Loại cà phê này đã làm thành thương hiệu "cà phê Bắc Kỳ" (café Tonkinois) nổi tiếng một thời, sánh kịp với nhãn hiệu cà phê Moka trên thị trường thế giới, đem lại lợi nhuận cao cho các điền chủ.

Việc sản xuất cà phê kéo theo một cách tự nhiên ngành chăn nuôi đại gia súc có quy mô lớn. Bởi, phân hóa học và máy công cụ chưa được sử dụng một cách phổ biến

lúc bấy giờ. Sự kết hợp giữa trồng cà phê và chăn nuôi trâu, bò gần như là một công thức tự nhiên, trên các đồn điền. Mỗi đồn điền đều dành ra một diện tích tương ứng với số lượng vật nuôi cần có (thường là 1/5 diện tích để trồng cà phê, 4/5 để làm đồng cỏ). Đàn gia súc tại khu vực đồn điền ở Ninh Bình có thể tính tới con số hàng ngàn (chủ yếu là bò). Ví dụ: Đồn điền Yvoir dành đến 60 ha làm đồng cỏ nuôi 30 con bò; Công ty Nông nghiệp Yên Lại nuôi 600 con bò, 15 con trâu, 4 con ngựa và các loại khác tổng cộng 1.500 con; Đồn điền Lévy nuôi 137 con bò; công ty Lyon nuôi 300 con cả trâu và bò.

- Tại những vùng có đồn điền đời sống của nông dân cũng có những ảnh hưởng. Đó chính là sự tăng lên của lượng tiền mặt, do việc trả lương bằng tiền cho công nhân, trong lưu thông thương mại. Đó cũng là sự thay đổi trong nếp nghĩ của ít nhất là những nông dân làm việc trên các đồn điền về phương thức sản xuất mới, hiệu quả hơn so với phương thức canh tác truyền thống. Đó cũng còn là sự thay đổi trong thói quen ăn uống, tiêu dùng của một bộ phận người dân trong những vùng ảnh hưởng của đồn điền, chẳng hạn như việc uống cà phê, uống sữa...

Tuy nhiên, sự phát triển của các đồn điền đã làm cho mâu thuẫn xã hội xung quanh vấn đề ruộng đất, xung quanh vấn đề bóc lột nhân công ngày càng trở nên gay gắt ở nông thôn Ninh Bình. Nhất là sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời với sự tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, công nhân đồn điền đã nhanh chóng trở thành lực lượng cách mạng quan trọng. Nhiều cuộc đấu tranh của họ đã diễn ra, chống lại chủ đồn điền cũng là kẻ thù dân tộc, làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong xã hội thuộc địa ở Ninh Bình.

**Bảng 2: Danh sách các điền chủ có đồn điền ở Ninh Bình trong giai đoạn Cận đại (cuối thế kỷ XIX - giữa thế kỷ XX)**  
(NTT - nhượng tạm thời, NVV - nhượng vĩnh viễn, TH - thu hồi)

Tên điền chủ	Nghề nghiệp, chỗ ở	Số đđ	Diện tích (ha)	Hình thức cấp/năm	Tổng diện tích (ha)	Ghi chú
Bùi Xuân An	Thương gia ở Ninh Bình	1	298,8500	NTT 1934	298,8500	NVV 1932
Bùi Đình Bách	Địa chủ làng Lạc Thành, tổng Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan	1	214,6500	NTT 1934	214,6500	NVV 1941 (128,99 ha) và TH (85,66 ha)
Nguyễn Đức Chiêu		1	281,4600	NTT 1938	281,4600	
Vũ Xuân Cường	Làng Lý Nhân, huyện Yên Mô	1	101,0300	NTT 1934	101,0300	NVV 1937
Nghiêm Xuân Quảng	Nguyên Tuân phủ Ninh Bình	1	110,0000	NTT 1934	110,0000	4-5-1937 Đổ Đỉnh Đặc và Vũ Đổ Tân thay thế
Lê Xuân Thu	Địa chủ ở làng Hợp Lệ, Phủ Kiến Thụy, Kiến An	1	30,2580	NTT 1934	30,2580	NVV 1938
Canlier		1	112,0000	NTT 1897	112,0000	
Daurelle	Thương nhân ở Hải Phòng	1	1.647,0000	NTT 1894	1.647,0000	NVV 1905
De Monpezat André	Giám đốc Công ty khai thác thuộc địa Trung Bắc Kỳ	1	300,0000	NTT 1932	300,0000	TH 1937
Fau(Archippe)		3	220,0000 590,0000 148,0000	NTT 1904 NTT 1904 NTT 1908	958,0000	NVV 1904 NVV 1904 TH 1912
Gendreau	Cố đạo ở Hà Nội	2	30,0000 18,0000	NTT 1900 NTT 1900	48,0000	
Guyot d'Asnier de Salin	Thương gia ở Pháp	2	45,0000 200,0000	NTT 1899 NTT 1899	245,0000	
Jung	Nhà trồng trọt	2	4,0000 400,0000	NTT 1898 NTT 1899	404,0000	
Lacombe	Nhà trồng trọt ở Nho Quan	1	30,0000	NTT 1929	30,0000	
Laffeuille (Pierre)	Nhà trồng trọt ở Ninh Bình	2	179,0000 84,0000	NTT 1896 NTT 1904	263,0000	NVV 1904 NVV 1904
Lamontagne		1	50,0000	NTT 1916	50,0000	
Lévy		3	330,0000 ? 20,0000	NTT 1900 NTT 1922 NTT 1926	350,0000	
Magnan Louis	Nhà trồng trọt ở Ninh Bình	2	400,0000 220,0000	NTT 1900 NTT 1901	620,0000	
Métral Marius	Cư ngụ ở Lyon	1	1.722,0000	NTT 1897	1.722,0000	
Michel	Ngụ tại Marseille	1	KBDT	NTT 1910		
Nicolas (sau chuyển sang Bonnal)	Đội trưởng	1	507,0000	NTT 1898	507,0000	TH 1899, nhượng tạm thời cho Bonnal
Polguère	Điền chủ ở Ninh Bình	1	750,0000	NTT 1898	750,0000	
Yvoir	Nhà trồng trọt ở Ninh Bình	2	25,0000 62,5500	NTT 1902 NTT 1898	87,5500	NVV 1929 NVV 1929
Kalicher và Lafeuille	1 thương gia ở Hà Nội và 1 nhà trồng trọt ở Ninh Bình	1	200,0000	NTT 1898	200,0000	
Guillaume freres	5 đầu khoán ở Hà Nội	3	35,0000 340,0000 449,0000	NTT 1896 NTT 1897 NTT 1908	824,0000	

Công ty khai thác thuộc địa Lyon	Do Chaffanjon đại diện ở Bắc Kỳ	2	1.678,0000 744,5000	NTT 1900 NTT 1900	2.422,5000	NVV 1909 NVV 1909
Công ty Nông nghiệp Chợ Gành	Do Saissac và Leroy de Barres đại diện ở Bắc Kỳ	7	26,0000 130,0000 100,0000 78,0000 539,3000 298,5000 104,0000	M 1905 NTT 1907 NTT 1911 NTT 1912 NTT 1930 NTT 1934 NTT 1936	1.275,8000	TH 1939 NVV 1936 NVV 1943
Công ty Nông nghiệp Yên Lại	Trụ sở ở Nante do Pasquier đại diện	3	1.600,0000 521,0000 625,0000	NTT 1898 NTT 1900 NTT 1907	2.746,0000	
Công ty Nông nghiệp Phúc Lương	Chouquet Edouard giám đốc	2	159,9800 10,0000	NTT 1929 NTT 1924	169,9800	NVV 1932
Công ty Ellies và Mathée	33 Đồng Khánh - Hà Nội, vốn 264.000 đồng	1	467,0000	NTT 1919	467,0000	NVV 1923
Hội Hỗ tương và trợ cấp xã hội		1	411,0000	NTT 1939	411,0000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>53</b>	<b>17.646,0800</b>		<b>17.646,0800</b>	

(Nguồn: Tạ Thị Thuý: - *Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*. Nxb. Thế giới, H, 1996  
- *Việc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ 1919-1945*. Nxb. Thế giới, H, 2001

## CHÚ THÍCH

(1). Tạ Thị Thuý. *Việc nhượng đất khẩn hoang ở Bắc Kỳ từ 1919 đến 1945*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2001, tr. 234.

(2). RST 72588 và 29788.

(3). RST 36554.

(4). Tạ Thị Thuý. *Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*. Nxb. Thế giới, 1996, tr. 290, 291.

(5), (6), (7). Tạ Thị Thuý. *Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*. Sđd, tr. 298, 296.